

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 4 năm 2019
“*V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - PHÚ THỌ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hà Công Cẩn**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Lê Văn Hiền**
Ông **Nguyễn Huy Trụ**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Trần Anh Quang** - Cán bộ TAND thành phố V
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thanh Hải**, kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2019 về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 167/2019/QĐST - HPT ngày 28/3/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị T - sinh năm 1987. Địa chỉ: tổ 6, phố H, phường B, TP. V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

* Bị đơn: Anh P - sinh năm 1977. Địa chỉ: tổ 6, phố H, phường B, TP. V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

* Người làm chứng: Bà B, sinh năm 1952; Địa chỉ: tổ 6, phố H, phường B, TP. V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị T trình bày:* chị và anh P kết hôn ngày 3/2/2009, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, TP. V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình sinh sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là quan điểm không phù hợp nhau có tranh luận gay gắt bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 6/2018, hai vợ chồng sống ly thân, anh P hay đi làm xa nhà, thỉnh thoảng mới về. Tại phiên tòa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quang A, sinh ngày 15/01/2010 và Phạm Minh C, sinh ngày 12/12/2012. Tại phiên tòa, chị đề nghị được nuôi cả hai con chung và đề nghị anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 800.000đ/tháng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung thành niên. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Phía bị đơn là anh P mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt.* Do không tổng đạt được trực tiếp cho anh P, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà B, sinh năm 1952, địa chỉ: tổ 6, phố H, phường B, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là mẹ đẻ anh P. Phía bà B đã nhận và cam kết chuyển cho anh P.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố V đã lấy lời khai của người làm chứng là bà B. Bà B trình bày: bà là mẹ đẻ của anh P, chị T là con dâu. Sau khi kết hôn theo bà B thì chị T, anh P về sinh sống tại tổ 6, phố H, phường B. TP. V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, có cãi chửi nhau, sống ly thân khoảng 01 năm trở lại đây, thỉnh thoảng con dâu va chạm với mẹ chồng. Về con chung: theo bà chị T và anh P có hai con chung như chị T khai và hai cháu đang ở với bà và chị T. Do anh P hay đi làm xa, thỉnh thoảng mới về, không có thời gian chăm con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu quan điểm về nội dung vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đề nghị xử cho chị T được ly hôn với anh P. Về con chung: giao cháu Phạm Quang A, sinh ngày 15/01/2010 và Phạm Minh C, sinh ngày 12/12/2012 cho chị T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 800.000đ. Tổng anh P cấp dưỡng cho cháu A và cháu C là 1.600.000đ. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không giải quyết trong vụ án này. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị T chịu theo quy định của pháp luật. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh P chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị T và bị đơn là anh P. Anh P có nơi cư trú tại tổ 6, phố H, phường B, TP. V, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh P thông qua bà B là mẹ đẻ anh P. Tuy nhiên, anh P không có mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp. Quá trình chung sống theo chị T vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là quan điểm không phù hợp nhau có tranh luận gay gắt bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ tháng 6/2018 vợ chồng sống ly thân, anh T hay đi làm xa nhà, thỉnh thoảng mới về. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P. Phía anh P tuy không có mặt nên tòa án không lấy được lời khai nhưng Tòa án đã triệu tập người làm chứng là bà B là mẹ đẻ anh P. Phía bà B khai chị T và anh P quá trình chung sống có mâu thuẫn, có cãi chửi nhau, sống ly thân khoảng 01 năm trở lại đây, thỉnh thoảng con dâu va chạm với mẹ chồng. Từ những ý kiến trên. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T đối với anh P là phù hợp.

[3]. Về con chung, về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh P có 02 con chung là Phạm Quang A, sinh ngày 15/01/2010 và Phạm Minh C, sinh ngày 12/12/2012. Hiện

nay, các cháu đang ở với chị T và bà B tại tổ 6, phố H, phường B, TP. V, tỉnh Phú Thọ. Tại phiên tòa, chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử nhận định: Chị T thực tế hiện đang nuôi cháu A và cháu C, có công việc ổn định, thu nhập 7.000.000đ/tháng và có đủ điều kiện nuôi con khác. Phía anh P đi làm xa nhà không có thời gian chăm sóc con chung điều này được chính mẹ đẻ của anh P khai và thừa nhận. Do vậy, cần giao cho chị T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Phạm Quang A, sinh ngày 15/01/2010 và Phạm Minh C, sinh ngày 12/12/2012 đến khi các cháu thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T đề nghị anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 800.000đ, hai cháu là 1.600.000đ/tháng kể từ tháng 5/2019. Hội đồng xét xử nhận định: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của anh P và mức cấp dưỡng mà chị T đề nghị là phù hợp pháp luật nên buộc anh P phải cấp dưỡng cho cháu A và cháu C mỗi cháu là 800.000đ/tháng kể từ tháng 5 năm 2019. Tổng cộng cả hai con chung là 1.600.000đ/tháng/2 con cho đến khi cháu A, cháu C thành niên.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị T khai không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Mặt khác, do không triệu tập được anh P để lấy lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, không xác định được công nợ, công sức đóng góp của chị T, anh P nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điểm a Khoản 5 Điều 27; Điểm đ khoản 6 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội.

[1]. Xử cho chị T được ly hôn với anh P.

[2]. Về con chung: Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Phạm Quang A, sinh ngày 15/01/2010 và Phạm Minh C, sinh ngày 12/12/2012. Anh P phải cấp dưỡng nuôi cháu A là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) và cấp dưỡng nuôi cháu C là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Tổng cộng cấp dưỡng cho cả hai con chung là 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng)/tháng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu A, cháu C thành niên.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003053 ngày 21/2/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì).

[5]. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, TP
- Thi hành án
- Dương sự
- UBND phường B
- Lưu hồ sơ, án văn

**T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Hà Công Cẩn